Bài 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ POWERPOINT 2003

1. Giới thiệu:

PowerPoint 2003 là một phần mềm trong bộ Microsoft Office 2003 được sử dụng để trình bày một vấn đề, tiếp thị một sản phẩm, soạn thảo một bài giảng,... Chương trình là một công cụ có tính chuyên nghiệp cao để diễn đạt các ý tưởng cần trình bày không chỉ bằng lời văn mà còn thể hiện qua hình ảnh tĩnh và động cùng với âm thanh, các đoạn phim một cách sống động. Vì thế nó là một công cụ hỗ trợ giảng dạy rất tốt trong trường học, hỗ trợ thuyết trình trong các hội thảo, hướng dẫn sử dụng các sản phẩm trong việc quảng cáo, …

Phần mềm PowerPoint có các đặc điểm:

- Dễ sử dụng đối với người bắt đầu dùng và rất dễ sử dụng với người đã sử dụng WINWORD, EXCEL vì có cùng thao tác, …
- Thực hiện các hiệu ứng hoạt hình nhanh chóng, sinh động một cách đơn giản không cần tới kiến thức lập trình
- Kích thước tập tin nhỏ, thuận lợi cho lưu trữ và di chuyển
- Kết hợp được với nhiều định dạng tập tin.

2. Cấu hình máy tối thiểu để cài đặt:

Để cài đặt và sử dụng được chương trình Microsoft PowerPoint 2003 (cũng như các chương trình khác trong bộ Microsoft Office 2003 như Word, Excel, Access,…), máy tính của bạn cần có cấu hình tối thiểu như sau:

1. Bộ vi xử lý (CPU): tối thiểu 233MHz hoặc cao hơn (tốt nhất từ Pentium III trở lên).
2. Hệ điều hành (Operating system): Windows XP hoặc cao hơn.
3. Bộ nhớ (RAM): tối thiểu 64MB (tốt nhất từ 128MB).
4. Đĩa cứng còn trống khoảng 245MB.
5. Màn hình có độ phân giải kích thước 800x600, từ 256 màu trở lên.
6. Ổ đĩa CD, chuột, bàn phím.

3. Giới thiệu màn hình PowerPoint 2003 và các thanh công cụ:

Sau khi sử dụng đĩa CD Microsoft Office 2003 cài đặt các chương trình đầy đủ. Ta khởi động chương trình PowerPoint 2003 như sau:

- Vào menu Start/Programs/Microsoft Office 2003/
- Nhấp chọn biểu tượng 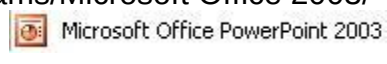

Tùy theo các thay đổi mà bạn đã thực hiện trong quá trình sử dụng, màn hình PowerPoint 2003 xuất hiện sẽ hơi khác nhau một chút. Tuy nhiên, thông thường màn hình của PowerPoint 2003 sẽ xuất hiện như hình bên dưới:

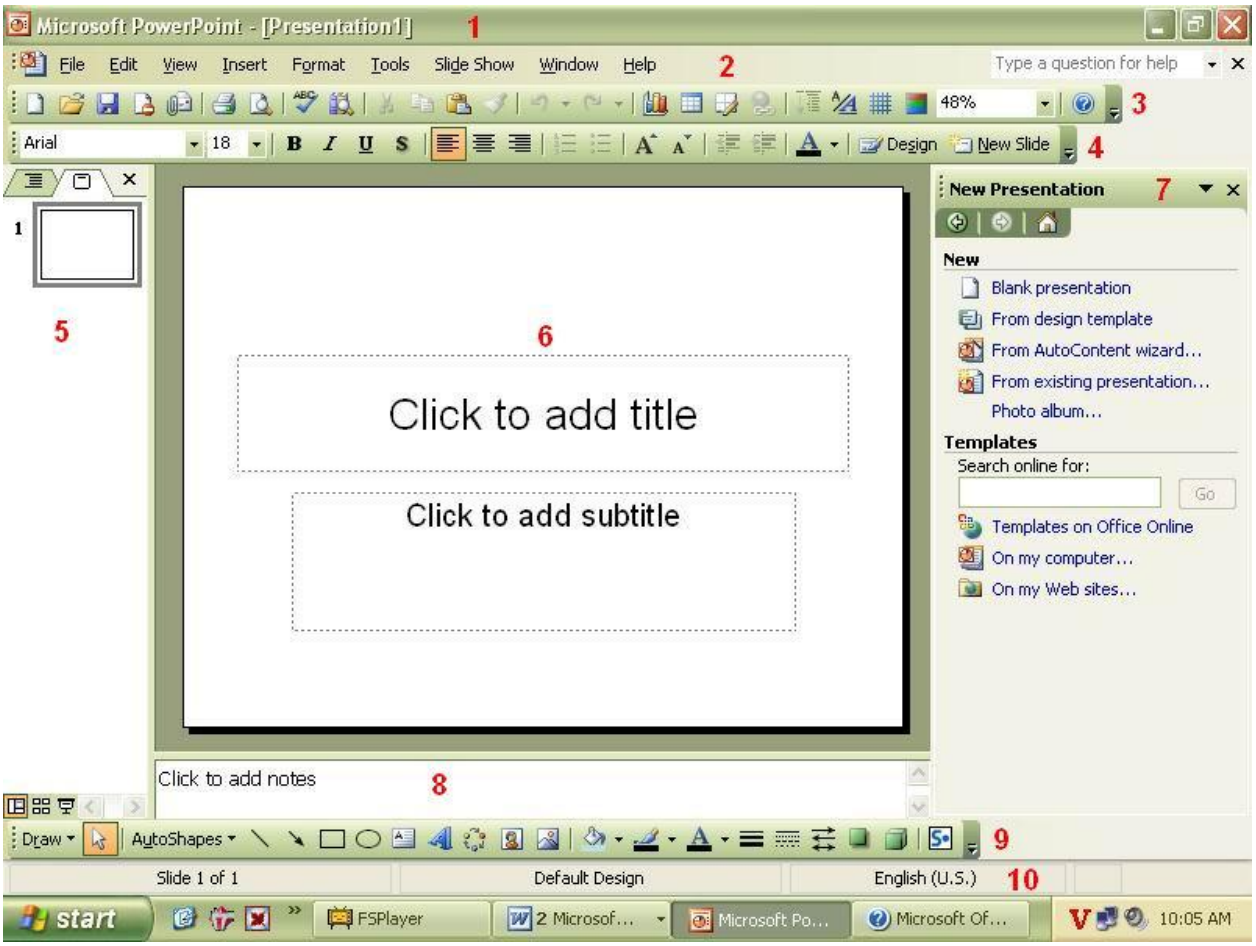

(**Hình I.1**)

Các thành phần của màn hình PowerPoint 2003 được đánh số lần lượt theo thứ tự như hình bên trên:

1. **Thanh tiêu đề** (Title bar): Cho chúng ta biết tên chương trình (Microsoft PowerPoint) và tên của tập tin đang làm việc (Presentation 1).
2. **Thanh trình đơn** (Menu bar): gồm 9 mục từ File đến Help. Mỗi mục sẽ chứa nhiều mục khác nếu ta nhấp vào chúng.
3. **Thanh công cụ chuẩn** (Standard Toolbar): chứa biểu tượng của các lệnh thường dùng.
4. **Thanh công cụ định dạng** (Formatting Toolbar): chứa các biểu tượng dùng cho việc trình bày văn bản như font chữ, cỡ chữ, màu sắc, canh biên,…Ngoài ra, chúng ta còn có thể mở thêm nhiều thanh công cụ khác từ menu lệnh **View/Toolbars/**
5. **Normal Pane**: dùng chọn cách xem các slide hay dàn bài của bài trình diễn. Phía dưới Normal Pane có 3 biểu tượng:
    a. **Normal View**: Trình bày theo kiểu thông thường, dùng để xử lý từng slide.
    b. **Slide Sorter View**: Trình bày toàn thể các slide có trong bài trình diễn, dùng để theo dõi vị trí, thứ tự các slide.
    c. **Slide Show**: trình chiếu bài trình diễn từ slide đang chỉnh sửa.
6. **Khu vực của slide** đang được chỉnh sửa.
7. **Task Pane**: chứa nhiều thành phần khác nhau như:

a. **New Presentation**: tạo file mới.
b. **Slide Layout**: chọn kiểu bố trí cho mỗi slide.
c. **Slide Design**: chọn các kiểu trang trí slide có sẵn, các hệ màu, các hiệu ứng cho toàn bộ bài trình diễn.
d. **Custom Animation**: chọn các hiệu ứng cho mỗi thành phần của bài trình diễn.
e. **Slide Transition**: chọn các hiệu ứng khi chuyển từ slide này sang slide khác

Để đóng hay mở Task Pane, ta vào **View/Task Pane**.

8. **Trang ghi chú** (Notes Page): dùng để ghi các ghi chú cho slide đang được chỉnh sửa.
9. **Thanh công cụ vẽ** (Drawing Toolbar): dùng để vẽ và chỉnh sửa một số hình đơn giản, chèn các các chữ nghệ thuật, thay đổi màu sắc của văn bản,…
10. **Thanh trạng thái**: thông báo về số lượng slide có trong bài trình diễn và một số thông tin khác.

4. Một số thuật ngữ cần lưu ý:

Khi sử dụng chương trình PowerPoint 2003, ta sẽ thường xuyên gặp một số thuật ngữ sau:

Presentation: (bài trình diễn) đây là một file PowerPoint, chứa đựng những thông tin cần trình bày.
Slide: một trang trình chiếu. Tập hợp nhiều slide sẽ thành một presentation.
Blank Presentation: một bài trình diễn được tạo ra từ những slide trắng, không chứa sẵn các hướng dẫn hoặc định dạng nào.
Blank Slide: slide trắng, không chứa sẵn bất kỳ hướng dẫn hoặc định dạng nào.
Slide Show: lệnh trình chiếu bài trình diễn.
Layout: cách bố trí các văn bản, hình ảnh và các thành phần khác trên slide.
Design Template: các mẫu thiết kế sẵn của chương trình PowerPoint. Các mẫu này được thiết kế sẵn về sự phối màu, hình nền, font chữ, màu sắc của văn bản, vị trí của văn bản.

U *Theo kinh nghiệm của cá nhân, khi tạo một bài trình diễn, chúng ta nên sử dụng các Design Template để bài trình diễn của chúng ta thể hiện được tính chuyên nghiệp cao và quy củ. Nên tránh sử dụng Blank Presentation và Blank Slide vì chúng ta phải mất công thiết kế, chỉnh sửa màu sắc,…và bài trình diễn của ta không đồng nhất trong phối màu, kết cấu.*

Animation: hiệu ứng. Các hiệu ứng này sẽ giúp đối tượng trên slide xuất hiện, biến mất, tạo các chuyển động. Hiệu ứng giúp lôi kéo sự chú ý của người xem, đem lại sự uyển chuyển, linh hoạt trong lúc trình diễn.
Slide Transition: cách thức chuyển từ slide này sang slide. Khi sử dụng các kiểu chuyển slide này, bài trình diễn của chúng ta sẽ uyển chuyển và dễ xem hơn.